TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH NGHÊ AN** Bản án số: **30/** 2026/ HSST. Ngày 29 - 4 - 2026	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hanh phúc**

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H- ơng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Linh

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên tòa bà Võ Thùy T1 - Cán bộ T2 án nhân dân khu vực 8 - Tỉnh Nghệ A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tỉnh Nghệ A tham gia phiên tòa bà Dương Thị Hồng L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 04 năm 2026 tại phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 8- Nghệ An xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2026/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2026 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Phan Thị NgaTên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ

Căn cước công dân: 040154000662

Sinh ngày: 05/6/1954, tại phường T, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Số D, đường P, Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 7/10;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Phan Đình L1 (Đã chết)

Và bà: Đặng Thị L2 (Đã chết)

Chồng: Ninh Đức C (Đã chết)

Con: 04 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1990

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên toà

- Những người làm chứng:

1. Chị Trương Thị N, sinh năm 1985. Trú tại: bản H- xã T - tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên toà.

2. Anh Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1993. Trú tại: xóm H - xã N - tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên toà.

NÔI DUNG VU ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ợc tóm tắt nh- sau: Phan Thị N1 là chủ hộ kinh doanh nhà trọ bình dân tại số D, đường P, khối T, phường T, tỉnh Nghệ An, được Ủy ban nhân dân Thị xã T (cũ), tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 27T8000245 ngày 28/7/2014. Thời gian gần đây do khách đến trọ ít nên Phan Thị N1 nảy sinh ý định chứa chấp mại dâm tại phòng trọ để thu lợi. Quá trình tìm kiếm người bán dâm thì có Trương Thị N, sinh năm 1985, trú tại bản H, xã T, tỉnh Nghệ An đến đặt vấn đề xin sử dụng phòng trọ thuộc quyền quản lý, sở hữu của bà N1 để thực hiện việc bán dâm. Hai bên thỏa thuận Phan Thị N1 sẽ không tính tiền phòng trọ, tiền điện nước mà Trương Thị N sẽ trích lại một phần số tiền thu được từ việc bán dâm để trả cho Phan Thị N1 từ mỗi lượt bán dâm với khách là 125.000 đồng.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/02/2026, Phan Thị N1 đang ở nhà thì có Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1993, trú tại xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An đến phòng trọ của Phan Thị N1 hỏi bà N1: "Có con em mô không" (nghĩa là có người nào bán dâm không) thì bà N1 trả lời: "Có, cháu đi thẳng về phòng cuối mà làm việc trực tiếp nha". Khi đến phòng thứ 5 của dãy trọ, T3 hỏi N "Có chơi không em" (tức là hỏi N có bán dâm không) thì N trả lời "Có". Nhương và T3 thỏa thuận mỗi lượt bán dâm là 250.000 đồng. Sau đó, T3 đưa cho N số tiền 250.000 đồng. N cầm lấy tiền cất phía dưới gối rồi quay ra chốt cửa phòng lại để thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi T3 và N đang quan hệ tình dục tại phòng trọ thứ 5 của dãy trọ nhà bà Phan Thị N1 thì bị tổ công tác của Phòng hình sự Công an tỉnh N phát hiện, bắt giữ. Thu giữ của Nguyễn Hồng T3 một bao cao su đã qua sử dụng; Thu giữ của Trương Thị N số tiền 250.000 đồng và một vỏ bao cao su đã bị xé.

Tại cơ quan điều tra, Phan Thị N1 đã khai nhận hành vi chứa mại dâm của mình. Lời khai của Phan Thị N1 phù hợp với lời khai của người liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Bản Cáo trạng số 06/2026/CT- VKSKV8 ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 8 truy tố bị cáo Phan Thị Nga về tội ''Chứa mại dâm'' theo khoản 1 điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 327; điểm s, o, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Phan Thị N1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo tuổi cao, sức yếu, thu nhập thấp nên đề nghị hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về vật chứng vụ án đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 250.000 đồng; Tịch thu tiêu huỷ một bao cao su đã qua sử dụng; một vỏ bao cao su đã bị xé (đặc điểm tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 4 năm 2026); Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 20 giờ 50 phút ngày 02/02/2026, tại phòng trọ thứ 5 thuộc dãy nhà trọ của bị cáo tại địa chỉ số D, đường P, khối T, phường T, tỉnh Nghệ An, tổ công tác của Phòng C1 Công an tỉnh N phát hiện bắt quả tang Nguyễn Hồng T3 và Trương Thị N đang có hành vi mua bán dâm. Quá trình điều tra xác định, bị cáo Phan Thị N1 là chủ hộ kinh doanh phòng trọ đã sử dụng địa điểm của mình để cho Trương Thị N bán dâm cho khách là Nguyễn Hồng T3 để thu lợi số tiền 125.000 đ (một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp về thời gian, địa điểm, đặc điểm vật chứng thu giữ được, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ bị cáo Phan Thị N1 đã sử dụng phòng trọ thuộc quyền quản lý của mình để cho Trương Thị N thực hiện hành vi bán dâm để thu lợi. Do đó đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 327 Bộ Luật hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 truy tố là có căn cứ.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc, danh dự, nhân phẩm của con người, là mầm mống lây truyền các bệnh xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên, có thành tích trong công tác được Bộ trưởng bộ G vì sự nghiệp giáo dục; Sau khi phạm tội đã đầu thú. Bố mẹ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, o, v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, trên cơ sở xem xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra kết hợp với việc xem xét

nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy tại phiên toà bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, tuổi đã cao, sức yếu đi lại khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chưa cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm, đủ sức răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo đã hơn 70 tuổi, sức khoẻ yếu, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy một bao cao su đã qua sử dụng; một vỏ bao cao su đã bị xé; Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 250.000 đồng (đặc điểm tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 4 năm 2026)

[9] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng bị cáo không có đơn xin miễn án phí mà tự nguyện nộp án phí nên áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 327; điểm s, o, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Thị N1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Chứa mại dâm".

Giao bị cáo Phan Thị N1 cho ủy ban nhân dân phường T - tỉnh Nghệ An quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú của bị cáo trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy một bao cao su đã qua sử dụng; một vỏ bao cao su đã bị xé (đặc điểm tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 4 năm 2026); Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn) đồng đang được gửi tại phòng G1, kho bạc Nhà nước khu vực XI ngày 23 tháng 3 năm 2026.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 8;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An
- UBND phường Thái Hoà
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương